

Số: 23/TB-HKH

An Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ XÉT, CẤP HỌC BỔNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
ĐỢT II – NĂM HỌC 2019-2020

Hội đồng quản lý Quỹ Khuyến học An Giang đã thẩm định và đề nghị danh sách học sinh, sinh viên nhận học bổng Xổ số Kiến thiết An Giang đợt II (2019-2020) và được Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang thống nhất, Hội Khuyến học tỉnh thông báo kết quả, như sau:

I. Số liệu: (Phụ lục đính kèm).

II. Một số nhận xét, đánh giá:

Qua kết quả thẩm định danh sách học sinh, sinh viên nhận học bổng Xổ số Kiến thiết An Giang đợt II/2019-2020, Hội Khuyến học tỉnh có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Ưu điểm:

1.1. Phần lớn các huyện hội, các đơn vị trực thuộc đã nắm được cơ bản tinh thần hướng dẫn của Hội Khuyến học tỉnh về điều kiện, tiêu chuẩn và phương thức xét, cấp học bổng Xổ số Kiến thiết An Giang từ năm học 2019-2020, nên có giảm bớt sai sót so với những năm trước đây và tương đối đảm bảo được thời hạn qui định;

1.2. Số lượng học sinh, sinh viên được nhận học bổng Xổ số Kiến thiết An Giang đợt II/2019-2020 được duy trì so với đầu năm học, đáp ứng được mong muốn của hội, ngành, học sinh, sinh viên và nhà tài trợ.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh ưu điểm nêu trên, còn một số vấn đề đáng quan tâm:

2.1. Còn một số trường hợp sai sót do các chi hội trường học thiếu rà soát, kiểm tra, đối chiếu với danh sách được nhận học bổng ở đợt I và một số huyện hội cũng chưa thực hiện tốt việc thẩm định danh sách đề nghị từ cơ sở; dẫn tới đề nghị học sinh được nhận học bổng đợt II (2019-2020) chưa chính xác, nên phải điều chỉnh, kéo dài tiến độ thực hiện.

Nguyên nhân chính của hạn chế trên là do lãnh đạo các đơn vị chưa nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn, chưa nắm chắc các vấn đề có thay đổi so với hướng dẫn trước đây, còn biểu hiện làm việc theo quán tính.

2.2. Không duy trì và nâng cao được thành tích học tập, rèn luyện của học sinh, nên tỉ lệ học sinh thay thế ở một số đơn vị quá cao. Cụ thể:

+ Cấp THCS: thay thế 122 trường hợp, chiếm tỉ lệ **8,9%** so với tổng số học sinh được nhận học bổng. Trong đó, học sinh cấp mới thay thế 31/400 (7,8%); học sinh tái cấp thay thế 91/968 (9,4%). 4/11 đơn vị có tỉ lệ thay thế cao hơn mức bình quân của tỉnh (Châu Đốc: 13,7%; Châu Phú: 12,4%; Tịnh Biên: 11,8% và Phú Tân: 9,6%);

+ Cấp THPT: thay thế 91 trường hợp, chiếm tỉ lệ **10,1%** so với tổng số học sinh được nhận học bổng. Trong đó, học sinh cấp mới thay thế 61/362 (16,9%); học sinh tái cấp thay thế 30/542 (5,5%). 5/11 đơn vị có tỉ lệ thay thế cao hơn mức bình quân của tỉnh (Tịnh Biên: 37,7%; Châu Thành: 17,6%; Châu Phú: 12,8% và Châu Đốc: 11,5% và Tân Châu: 10,7%).

Sở dĩ, có tình trạng trên trước hết là do bản thân học sinh thiếu nỗ lực học tập. Bên cạnh, chúng ta cũng cần thấy được một số nơi lãnh đạo nhà trường, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm cũng chưa thật sự hết lòng chăm lo, nhắc nhở, động viên học sinh trong suốt quá trình học tập, nhất là các em có hoàn cảnh khó khăn, ít được sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của gia đình.

Mặc dù, còn một số hạn chế, nhưng vấn đề quan trọng đạt được là sự điều chỉnh, cải tiến về điều kiện, tiêu chuẩn, phương thức cấp học bổng Xổ số Kiến thiết tỉnh An Giang từ năm học 2019-2020, có nhiều tiến bộ, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được sự mong đợi của hội, cũng như của ngành giáo dục, học sinh, sinh viên và kỳ vọng của nhà tài trợ.

III. Một số công việc cần thực hiện trong thời gian tới.

Để thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh trong việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19, các đơn vị lưu ý các vấn đề sau:

1. Hội Khuyến học tỉnh và nhà tài trợ thống nhất cấp học bổng cho học sinh, sinh viên đợt II/2019-2020 sau khi học sinh, sinh viên trở lại trường. Chỉ cấp phát học bổng cho học sinh, sinh viên còn tiếp tục theo học. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về việc quyết định cấp học bổng cho học sinh, sinh viên.

2. Các chi hội trường phổ thông, các hội, chi hội các trường trực thuộc hội Khuyến học tỉnh chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu lại danh sách học sinh, sinh viên tiếp tục trở lại trường sau thời gian tạm nghỉ học vì phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để cấp học bổng cho học sinh, sinh viên.

3. Căn cứ quyết định cấp học bổng của Quỹ Khuyến học tỉnh, các Hội Khuyến học huyện, thị, thành phố chuyển kinh phí cho các chi hội trường học có liên quan (kể cả trường Trung cấp) để cấp phát học bổng cho học sinh. Không tổ chức trao học bổng cho học sinh tập trung tại huyện.

4. Quỹ Khuyến học tỉnh chuyển kinh phí cho các trường Cao đẳng, Đại học trong tỉnh để các đơn vị cấp phát học bổng cho sinh viên.

5. Quỹ Khuyến học tỉnh trực tiếp cấp tiền học bổng cho sinh viên ngoài tỉnh tại Hội Khuyến học tỉnh An Giang (Số 53A đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang) từ ngày **25/5/2020** đến ngày **19/6/2020**, trong giờ hành chính. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, Quỹ Khuyến học tỉnh sẽ tổ chức cấp học bổng cho sinh viên trong **2 ngày chủ nhật (07/6/2020 và 14/6/2020)**. Đến nhận học bổng, sinh viên phải mang theo **giấy xác nhận sinh viên tiếp tục trở lại học sau thời gian tạm nghỉ học vì phòng, chống dịch bệnh Covid-19 do trường, cơ sở đào tạo cấp** (kể cả sinh viên đã nộp giấy xác nhận của trường cho Hội Khuyến học tỉnh trước đây) và thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân (có ảnh) để đối chiếu.

Nếu chưa rõ, sinh viên liên hệ với Quỹ Khuyến học qua điện thoại số: **0296.3952790** hoặc Email: **hoikhuyenhoc@angiang.edu.vn** để được giải thích, tư vấn thêm.

6. Các huyện hội và các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cấp phát học bổng đợt II/2019-2020 cho Quỹ Khuyến học tỉnh đúng quy định.

7. Các chi hội trường học phổ thông nên tổ chức rút kinh nghiệm về việc duy trì, nâng cao chất lượng học tập của học sinh, sinh viên được nhận học bổng, để hạn chế tình trạng thay thế quá nhiều. Có như vậy, mới đáp ứng được tôn chỉ, mục đích của Quỹ Khuyến học và kỳ vọng của nhà tài trợ, cũng như mong muốn của ngành, của hội. Trên cơ sở đó, từng đơn vị có giải pháp thích hợp để cải thiện, nâng cao tác dụng học bổng Xổ số Kiến thiết An Giang trong thời gian tới.

Trên đây là thông báo kết quả xét, cấp học bổng Xổ số Kiến thiết An Giang đợt II (2019-2020). Rất mong các huyện hội, các đơn vị trực thuộc phối hợp thực hiện có hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Thường trực HKH tỉnh;
- Sở GDĐT An Giang;
- Cty XSKT tỉnh An Giang;
- Hội Khuyến học cấp huyện;
- Hội, Chi hội KH các đơn vị trực thuộc;
- Website HKH và Sở GDĐT An Giang;
- Lưu: QKH, VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Văn Sơn



PHỤ LỤC
THỐNG KÊ SỐ LIỆU HỌC SINH, SINH VIÊN
NHẬN HỌC BỔNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG
ĐỢT II - NĂM HỌC 2019-2020

1. Học sinh Phổ thông:

| SỐ TT | ĐƠN VỊ | Số suất HB bình thường | | | | | | Số suất HB KKTC | THÀNH TIỀN |
|-------|------------------|------------------------|------------|------------|-----------|------------|-------------|-----------------|----------------------|
| | | THCS | THPT | | | | TC | | |
| | | | KH | KT | BT | CỘNG | | | |
| 01 | Long Xuyên | 106 | 67 | 16 | 2 | 85 | 191 | 13 | 409,100,000 |
| 02 | Châu Đốc | 73 | 49 | 10 | 2 | 61 | 134 | 22 | 375,200,000 |
| 03 | Tân Châu | 129 | 72 | 11 | 1 | 84 | 213 | 35 | 506,800,000 |
| 04 | Châu Thành | 121 | 63 | 8 | 3 | 74 | 195 | 8 | 397,900,000 |
| 05 | Châu Phú | 145 | 78 | 8 | 1 | 87 | 232 | 21 | 469,300,000 |
| 06 | Tịnh Biên | 119 | 54 | 7 | 0 | 61 | 180 | 31 | 407,300,000 |
| 07 | Tri Tôn | 118 | 62 | 9 | 1 | 72 | 190 | 21 | 464,800,000 |
| 08 | An Phú | 146 | 77 | 8 | 2 | 87 | 233 | 29 | 505,800,000 |
| 09 | Phú Tân | 135 | 76 | 12 | 2 | 90 | 225 | 22 | 471,400,000 |
| 10 | Chợ Mới | 158 | 98 | 14 | 3 | 115 | 273 | 21 | 570,200,000 |
| 11 | Thoại Sơn | 118 | 81 | 6 | 1 | 88 | 206 | 33 | 509,800,000 |
| | Toàn tỉnh | 1.368 | 777 | 109 | 18 | 904 | 2272 | 256 | 5,087,600,000 |

2. Học sinh Trung cấp, sinh viên Cao đẳng, Đại học:

| SỐ TT | ĐƠN VỊ | Số suất HB bình thường | | | | Số suất HB KKTC | THÀNH TIỀN |
|-------|--------------------|------------------------|-----------|----------|------------|-----------------|----------------------|
| | | KH | KT | BT | CỘNG | | |
| 01 | ĐH An Giang | 113 | 14 | 1 | 128 | 5 | 610,300,000 |
| 02 | ĐH Ngoài tỉnh | 60 | 13 | 3 | 76 | 4 | 402,300,000 |
| 03 | Cao đẳng Nghệ | 21 | 4 | 0 | 25 | 2 | 83,000,000 |
| 04 | Cao đẳng Y tế | 13 | 1 | 0 | 14 | 5 | 55,800,000 |
| 05 | TC KTKT (Châu Phú) | 4 | 0 | 0 | 4 | 1 | 13,000,000 |
| 06 | TC CNKT (Chợ Mới) | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 4,000,000 |
| 07 | TCN DTNT Tri Tôn | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 12,900,000 |
| | TỔNG CỘNG | 213 | 32 | 4 | 249 | 20 | 1,181,300,000 |

QUỸ KHUYẾN HỌC AN GIANG



DANH SÁCH SINH VIÊN NGOÀI TỈNH NHẬN HB XSKT AG

Đợt 2- NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm Quyết định sốQĐ.QKH ngàythángnăm 2020)

| Stt | Họ và tên | Lớp | Trường | KQHT | XL | Năm | Thành tiền |
|-------------------------------|-------------------------|-----------|-----------------------|------|------|-----|--------------------|
| A. Tái cấp: 47 SV | | | | | | | 218,000,000 |
| I. Bảo trợ: 01 SV | | | | | | | 14,000,000 |
| 1 | Nguyễn Thị Như Ý | 185302A | ĐH Y Dược CT | 3.53 | Giỏi | 2 | 14,000,000 |
| II. Khuyến tài: 05 SV | | | | | | | 40,000,000 |
| 2 | Võ Minh Thiện | KHTN 2016 | ĐHCN-Thông tin | 9.24 | XS | 4 | 8,000,000 |
| 3 | Phạm Thị Huỳnh Giao | 1732A2 | ĐH Cần Thơ | 3.14 | Giỏi | 3 | 8,000,000 |
| 4 | Hà Cửu Long | Y 18 | ĐH Y Dược tp HCM | 3.41 | Giỏi | 2 | 8,000,000 |
| 5 | Nguyễn Hoàng Thái Dương | CTT1 | ĐH KHTN | 9.07 | Giỏi | 2 | 8,000,000 |
| 6 | Nguyễn Trần Hạnh Phúc | 185301H | ĐH Y Dược CT | 3.36 | Giỏi | 2 | 8,000,000 |
| III. Khuyến học: 41 SV | | | | | | | 164,000,000 |
| 7 | Lê Hoàng Phúc | NN16V8A1 | ĐH Cần Thơ | 3.45 | XS | 4 | 4,000,000 |
| 8 | Phạm Văn Phúc | TN16Y8A1 | ĐH Cần Thơ | 3.40 | Giỏi | 4 | 4,000,000 |
| 9 | Đỗ Văn Bảo | NN1673A3 | ĐH Cần Thơ | 3.70 | XS | 4 | 4,000,000 |
| 10 | Trần Thị Mỹ Anh | SP1610A1 | ĐH Cần Thơ | 2.95 | Khá | 4 | 4,000,000 |
| 11 | Võ Văn Kiệt | DII6Y1A1 | ĐH Cần Thơ | 2.63 | Khá | 4 | 4,000,000 |
| 12 | Ng Thị Thuý Quyên | NN1608A4 | ĐH Cần Thơ | 3.69 | Giỏi | 4 | 4,000,000 |
| 13 | Đoàn Thị Thuý Dung | ML16X4A1 | ĐH Cần Thơ | 2.94 | Khá | 4 | 4,000,000 |
| 14 | Nguyễn Văn Mạnh | NN16Z1A1 | ĐH Cần Thơ | 3.10 | Giỏi | 4 | 4,000,000 |
| 15 | Nguyễn Hồng Phúc | TN1693A1 | ĐH Cần Thơ | 2.72 | Giỏi | 4 | 4,000,000 |
| 16 | Ng Hồ Phước Vệ | K 55.4 | ĐH Ngoại thương | 3.15 | Giỏi | 4 | 4,000,000 |
| 17 | Lê Thị Ý | LK1764A1 | ĐH Cần Thơ | 2.49 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 18 | Ngô Thị Cẩm Vân | FL17V1A1 | ĐH Cần Thơ | 3.35 | Giỏi | 3 | 4,000,000 |
| 19 | Lê Lâm Phương Quyên | DH17DT | ĐH Nông lâm HCM | 3.26 | Giỏi | 3 | 4,000,000 |
| 20 | Huỳnh Lê Tỷ | DII17V7A4 | ĐH Cần Thơ | 2.81 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 21 | Trần Tú Vân | ĐH17NHA | ĐH Nông lâm HCM | 3.36 | Giỏi | 3 | 4,000,000 |
| 22 | Trần Thị Ngọc Giàu | DH33DC01 | ĐH Ngân hàng HCM | 8.08 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 23 | Lê Hoàng Dũng | 08DHTP7 | ĐH CNTP HCM | 2.83 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 24 | Hồ Văn Ngà | NN1767A2 | ĐH Cần Thơ | 3.31 | Giỏi | 3 | 4,000,000 |
| 25 | Lê Thanh Huệ | QTKD17A | ĐH Đồng Tháp | 7.97 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 26 | Lê Thị Mỹ Nhân | DHOT13D | ĐH CN HCM | 7.50 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 27 | Hồ Thị Mỹ Duyên | NN1708A3 | ĐH Cần Thơ | 2.86 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 28 | Đoàn Phụng Anh | LK1764A1 | ĐH Cần Thơ | 3.26 | Giỏi | 3 | 4,000,000 |
| 29 | Tô Thị Phương Anh | XD17LT04 | ĐH Bách khoa | 7.95 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 30 | Hh Lại Anh Thương | KT1722A1 | ĐH Cần Thơ | 3.05 | Khá | 3 | 4,000,000 |
| 31 | Võ Quốc Kha | KT17W2A2 | ĐH Cần Thơ | 3.32 | Giỏi | 3 | 4,000,000 |
| 32 | Võ Thị Mỹ Cơ | 18DDL12 | ĐH Văn Hoá tp.HCM | 2.73 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 33 | Nguyễn Thị Ngọc Huệ | KD3203B | Học viện cán bộ | 7.67 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 34 | Hà Văn Linh | 18V7A4 | Đại học Cần Thơ | 3.22 | Giỏi | 2 | 4,000,000 |
| 35 | Lê Phương Nam | ĐHCĐT14A | ĐH Công nghiệp tp.HCM | 7.60 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 36 | Võ Trần Mỹ Tiên | KT18B | ĐH GTVT tp.HCM | 6.81 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 37 | Huỳnh Thị Hồng Ngọc | 1820A2 | Đại học Cần Thơ | 3.00 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 38 | Đoàn Minh Nhựt | 1866A2 | Đại học Cần Thơ | 2.89 | Khá | 2 | 4,000,000 |

| | | | | | | | |
|----|-----------------------|--------|------------------|------|------|---|-----------|
| 39 | Đặng Văn Ngoan | ĐH18OT | ĐH Nông Lâm | 2.78 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 40 | Nguyễn Anh Khoa | 18S1A2 | Đại học Cần Thơ | 2.63 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 41 | Nguyễn Văn Xin | 18W8A2 | Đại học Cần Thơ | 3.10 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 42 | Nguyễn Văn Quý | SP Hoá | ĐHSP tp HCM | 2.97 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 43 | Nguyễn Thanh Tiên | 1866A1 | Đại học Cần Thơ | 2.88 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 44 | Võ Thị Kim Cúc | 18Z8A1 | Đại học Cần Thơ | 3.5 | Giỏi | 2 | 4,000,000 |
| 45 | Hà Thị Linh | 18W1A1 | Đại học Cần Thơ | 3.52 | Giỏi | 2 | 4,000,000 |
| 46 | Ng. Bùi Thị Như Quỳnh | Đ18BH1 | ĐH Lao động -XH | 2.64 | Khá | 2 | 4,000,000 |
| 47 | Mai Quốc Kiệt | 13-1 | ĐH Văn Hoá tpHCM | 7.36 | Khá | 2 | 4,000,000 |

B. Cấp Mới: 29 Sinh viên **168,000,000**

I. Bảo trợ: 02 SV **28,000,000**

| | | | | | | | |
|---|-------------------|---------------|--------------|------|--|--|------------|
| 1 | Trần Thị Kim Ngân | QT Dịch vụ DL | ĐHKHXH & NV | 24.5 | | | 14,000,000 |
| 2 | Trần Khắc Hào | Điện- Điện tử | ĐH Bách Khoa | 23.8 | | | 14,000,000 |

II. Khuyến tài: 08 SV **64,000,000**

| | | | | | | | |
|----|---------------------|----------|------------------|-------|--|--|-----------|
| 3 | Dương Ngọc Yến | MT19KH04 | ĐH Bách Khoa | 27.1 | | | 8,000,000 |
| 4 | Lê Nhật Thành | Y19 | ĐH Y Dược HCM | 26.7 | | | 8,000,000 |
| 5 | Nguyễn Thanh Nguyên | DHD115A | ĐH Công Nghiệp | 26.6 | | | 8,000,000 |
| 6 | Phan Thị Thuỳ Dung | CLC3 | ĐH Ngoại Thương | 26.50 | | | 8,000,000 |
| 7 | Phạm Lê Trung Hiếu | | ĐH Y Dược HCM | 26.4 | | | 8,000,000 |
| 8 | Nguyễn An Khương | 195301A | ĐH Y Dược CT | 26.2 | | | 8,000,000 |
| 9 | Nguyễn Minh Quân | Hoá | ĐH Khoa học TN | 25.95 | | | 8,000,000 |
| 10 | Võ Thanh Hương | K19402 | Kinh tế luật HCM | 25.6 | | | 8,000,000 |

III. Khuyến học: 19 SV **76,000,000**

| | | | | | | | |
|----|----------------------|-----------|---------------------|-------|--|--|-----------|
| 11 | Viên Minh Tân | KTMT19 | ĐH CNTT | 22.10 | | | 4,000,000 |
| 12 | Trần Nghĩa Trình Du | 1973A3 | ĐH Cần Thơ | 21.30 | | | 4,000,000 |
| 13 | Lê Thị Kim Anh | QL19D | ĐH GTVT HCM | 22.55 | | | 4,000,000 |
| 14 | Văng Thị Ngọc Sang | 19DTC | ĐH Nguyễn Tất Thành | 17.20 | | | 4,000,000 |
| 15 | Trình Thị Yến Nhi | 19W2A1 | ĐH Cần Thơ | 20.35 | | | 4,000,000 |
| 16 | Trịnh Văn Dã | TN19S3A2 | ĐH Cần Thơ | 20.95 | | | 4,000,000 |
| 17 | Nguyễn Trọng Càn | TN1955A3 | ĐH Cần Thơ | 22.50 | | | 4,000,000 |
| 18 | Lê Minh Phong | 19V5A2 | ĐH Cần Thơ | 20.25 | | | 4,000,000 |
| 19 | Nguyễn Thị Xuân Nhị | 19W4A1 | ĐH Cần Thơ | 22.05 | | | 4,000,000 |
| 20 | Đinh Thị Mỹ Nhung | 19V5A2 | ĐH Cần Thơ | 20.00 | | | 4,000,000 |
| 21 | Trần Thị Huỳnh Giao | 7440102 | ĐH KHTN | 19.35 | | | 4,000,000 |
| 22 | Võ Nguyễn Bảo Trân | 190H0101 | ĐH Tôn Đức Thắng | 19.80 | | | 4,000,000 |
| 23 | Trần Thị Ngân | 1920A1 | ĐH Cần Thơ | 21.50 | | | 4,000,000 |
| 24 | Nguyễn Thanh Tốt | ĐH19DT | ĐH Nông Lâm | 21.40 | | | 4,000,000 |
| 25 | Đinh Thị Mỹ Duyên | 19W1A2 | ĐH Cần Thơ | 20.20 | | | 4,000,000 |
| 26 | Ng. Huỳnh Ngọc Hiếu | CTXH19 | ĐH Mở HCM | 22.8 | | | 4,000,000 |
| 27 | Võ Văn Nhân | DY18Y1A1 | ĐH Cần Thơ | 2.94 | | | 4,000,000 |
| 28 | Lâm Thị Trúc Như | TS 1882A2 | ĐH Cần Thơ | 3.40 | | | 4,000,000 |
| 29 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | NN Hàn | ĐH Sư phạm | 3.30 | | | 4,000,000 |

TC: 76 sinh viên (BT:03; KT: 13; KH:60)

386,000,000

* Các Sinh viên có tên trên đến Hội Khuyến học AG (Số 52A Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang) nhận học bổng XSKT Đợt 2. Khi đi các em nhớ mang theo giấy Xác nhận hiện học (sau đợt nghỉ dịch Covid-19) do trường ký và Thẻ sinh viên/ CMND
Thời gian: Từ 25/ 5/ 2020 đến 14/ 6/ 2020) và 02 ngày chủ nhật (7/6/2020 và 14/6/2020) Giờ hành chính.

ĐT: 0296.3952.790

Đang